

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
Đường tỉnh 502 đoạn từ Nút giao với đường Đình Hương - Giàng phường
Thiệu Dương đến Ngã ba đi Cầu phao Vòm, phường Thiệu Khánh,
thành phố Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 143/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 về chủ trương đầu tư; số 438/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường tỉnh 502 đoạn từ Nút giao với đường Đình Hương - Giàng phường Thiệu Dương đến Ngã ba đi Cầu phao Vòm, phường Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường tỉnh 502 đoạn từ Nút giao với đường Đình Hương - Giàng phường Thiệu Dương đến Ngã ba đi Cầu phao Vòm, phường Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3778/SXD-HĐXD ngày 28/5/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường tỉnh 502 đoạn từ Nút giao với đường Đình Hương - Giàng phường Thiệu Dương đến Ngã ba đi Cầu phao Vòm, phường Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ); của Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa tại Tờ trình số 369/TTr-BDA ngày 14/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường tỉnh 502 đoạn từ Nút giao với đường Đình Hương - Giàng phường Thiệu Dương đến Ngã ba đi Cầu phao Vòm, phường Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa với những nội dung sau:

1. Khái quát về dự án đã phê duyệt

Dự án Đường tỉnh 502 đoạn từ Nút giao với đường Đình Hương - Giàng phường Thiệu Dương đến Ngã ba đi Cầu phao Vòm, phường Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa được HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 143/NQ-HĐND ngày 10/11/2021; Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 với tổng mức đầu tư là 95.000.000.000 đồng.

2. Lý do điều chỉnh

Tăng chi phí GPMB và cập nhật các chi phí đầu tư khác đã được HĐND tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 438/NQ-HĐND ngày 29/9/2023.

3. Nội dung điều chỉnh

- Điều chỉnh đơn vị được giao làm chủ đầu tư dự án từ Ban QLDA đầu tư xây dựng số 2 thành phố Thanh Hóa thành Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa.

- Tổng mức đầu tư dự án điều chỉnh: **117.061.000.000 đồng**, cụ thể:

STT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư theo QĐ số 1114/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	Chi phí BT-GPMB:	13.799.835.000	36.964.808.000	23.164.973.000
2	Chi phí xây dựng:	66.619.283.000	67.760.707.000	1.141.424.000
3	Chi phí thiết bị:		1.648.955.000	1.648.955.000
4	Chi phí QLDA:	1.338.707.000	1.095.411.000	-243.296.000
5	Chi phí TV ĐTXD:	4.478.903.000	4.476.737.000	-2.166.000
6	Chi phí khác:	1.726.235.000	1.056.873.000	-669.362.000
7	Chi phí dự phòng:	7.037.037.000	4.057.495.000	-2.979.542.000
	Tổng cộng	95.000.000.000	117.060.986.000	22.060.986.000
	Làm tròn		117.061.000.000	

(Có phụ lục tổng mức đầu tư chi tiết kèm theo).

- Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư dự án từ “Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh là 55 tỷ đồng; vốn ngân sách thành phố là 40 tỷ đồng” thành “Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh là 55 tỷ đồng; Vốn ngân sách thành phố là 62,061 tỷ đồng”

4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Xây dựng, Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung số liệu, hồ sơ điều chỉnh trình thẩm định, phê duyệt.

- Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình và các thủ tục về đất đai, giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐIỀU CHỈNH**Dự án Đường tỉnh 502 đoạn từ Nút giao với đường Đình Hương - Giàng phờng Thiệu Dương đến Ngã ba đi Cầu phao Vồm, phường Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa****(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)**

Đơn vị: Đồng

TT	Khoản mục chi phí	TMDT đã duyệt theo QĐ số 1114/QĐ-UBND ngày 31/3/2022	TMDT điều chỉnh				Chênh lệch
			Giá trị dự toán theo QĐ số 16/QĐ-BDA ngày 13/01/2023	Chi phí GPMB đã được phê duyệt	Chi phí bổ sung đợt này	Tổng mức điều chỉnh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=4+5+6	(8)=7-3
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB, HỖ TRỢ TĐC	13.799.835.000		13.799.835.000	23.164.973.000	36.964.808.000	23.164.973.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	66.619.283.000	67.760.707.000			67.760.707.000	1.141.424.000
1	Phần tuyến	61.464.158.000	62.004.190.000			62.004.190.000	540.032.000
2	Phần điện	5.155.125.000	5.756.517.000			5.756.517.000	601.392.000
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ		1.648.955.000			1.648.955.000	1.648.955.000
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	1.338.707.000	1.095.411.000			1.095.411.000	-243.296.000
V	CHI PHÍ PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	4.478.903.000	4.476.737.000			4.476.737.000	-2.166.000
1	Chi phí khảo sát bước báo cáo NCKT	144.366.000	144.366.000			144.366.000	-
2	Chi phí lập báo cáo NCKT	272.806.000	272.806.000			272.806.000	-
3	Chi phí khảo sát bước lập thiết kế BVTC	1.000.000.000	837.144.000			837.144.000	-162.856.000
4	Chi phí lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	111.787.000	86.776.000			86.776.000	-25.011.000
5	Chi phí lập thiết kế BVTC	860.693.000	803.233.000			803.233.000	-57.460.000
6	Chi phí lập đề cương, nhiệm vụ khảo sát	31.715.000	25.114.000			25.114.000	-6.601.000
7	Chi phí giám sát khảo sát					-	-
-	Bước lập báo cáo NCKT	5.879.000	5.879.000			5.879.000	

TT	Khoản mục chi phí	TMDT đã duyệt theo QĐ số 1114/QĐ-UBND ngày 31/3/2022	TMDT điều chỉnh				Chênh lệch
			Giá trị dự toán theo QĐ số 16/QĐ-BDA ngày 13/01/2023	Chi phí GPMB đã được phê duyệt	Chi phí bổ sung đợt này	Tổng mức điều chỉnh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=4+5+6	(8)=7-3
-	<i>Bước thiết kế BVTC</i>	40.720.000	34.088.484			34.088.484	-6.631.516
8	Chi phí thẩm tra					-	-
-	<i>Thẩm tra thiết kế BVTC</i>	70.765.000	71.829.000			71.829.000	1.064.000
-	<i>Thẩm tra dự toán</i>	66.880.000	67.952.000			67.952.000	1.072.000
-	<i>Thẩm tra an toàn giao thông</i>	100.000.000	100.000.000			100.000.000	-
9	Chi phí giám sát thi công					-	-
-	<i>Giám sát thi công xây dựng công trình</i>	1.469.602.000	1,495.511.000			1,495.511.000	25.909.000
-	<i>Giám sát thi công thiết bị</i>		11.163.000			11.163.000	11.163.000
-	<i>Giám sát thi công RPBM, vật nổ</i>	12.812.000	8.300.000			8.300.000	-4.512.000
10	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu					-	-
-	<i>Các gói thầu tư vấn</i>	21.669.000	25.649.077			25.649.077	3.980.077
-	<i>Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm) và thiết bị</i>	90.459.000	98.134.773			98.134.773	7.675.773
11	Phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu					-	-
-	<i>Các gói thầu tư vấn</i>	3.938.000	6.000.000			6.000.000	2.062.000
-	<i>Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm) và thiết bị</i>	66.812.000	69.609.000			69.609.000	2.797.000
12	Khảo sát, lập phương án, báo cáo kết quả khảo sát RPBM, vật nổ	8.000.000	5.183.000			5.183.000	-2.817.000

TT	Khoản mục chi phí	TMDT đã duyệt theo QĐ số 1114/QĐ-UBND ngày 31/3/2022	TMDT điều chỉnh				Chênh lệch
			Giá trị dự toán theo QĐ số 16/QĐ-BDA ngày 13/01/2023	Chi phí GPMB đã được phê duyệt	Chi phí bổ sung đợt này	Tổng mức điều chỉnh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=4+5+6	(8)=7-3
13	Chi phí lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường	100.000.000	308.000.000			308.000.000	208.000.000
VI	CHI PHÍ KHÁC	1.726.235.000	1.056.873.000			1.056.873.000	-669.362.000
1	Chi phí kiểm toán	352.038.000	358.557.000			358.557.000	6.519.000
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	105.403.000	105.403.000			105.403.000	-
3	Bảo hiểm xây dựng công trình	193.196.000	199.647.000			199.647.000	6.451.000
4	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	6.056.000	6.056.000			6.056.000	-
5	Kiểm tra của cơ quan QLNN trong quá trình thực hiện	50.000.000	50.000.000			50.000.000	-
6	Thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường	619.542.000				-	-619.542.000
7	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	400.000.000	254.433.000			254.433.000	-145.567.000
8	Chi phí nghiệm thu đóng điện		19.050.000			19.050.000	19.050.000
9	Các chi phí khác:	-				-	-
-	<i>Chi phí đảm bảo ATGT</i>		63.726.533			63.726.533	63.726.533
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	7.037.037.000	4.057.495.000			4.057.495.000	-2.979.542.000
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH	95.000.000.000	80.096.178.000	13.799.835.000	23.164.973.000	117.060.986.000	22.060.986.000